

Bản án số: 51/2026/HS-ST

Ngày: 27 - 03 -2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Dự.

2. Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Trần Thanh T, sinh năm 1978 tại xã P, tỉnh Ninh Bình. **CCCD số:** 0370870110xx **do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày** 17/04/2024. Nơi cư trú: xóm T, xã P, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Thanh S (đã chết) và bà Trần Thị Ích. Bị cáo có vợ là Đinh Thị H (đã ly hôn) và có một con sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 07/9/2007, bị Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định số 1814/QĐ-CT về việc đưa đối tượng vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/09/2025, chuyển tạm giam ngày 12/09/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh N; có mặt.

2. Trần Văn H1, sinh năm 1992 tại xã N, tỉnh Thanh Hóa. **CCCD số:** 0380920077xx **do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày** 17/11/2021. Nơi cư trú: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị Anh. 1 Bị cáo chưa có vợ con; có mặt.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2020/ HSST ngày 14/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo Trần Văn H1 17 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 04/9/2021 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 09/11/2020 nộp xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0802258/ QĐ – XPHC Ngày 04/3/2024, Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt hành chính Trần Văn H1 với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/3/2024 bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/09/2025, chuyển tạm giam ngày 12/09/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 01, Công an tỉnh N; có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

+ Bà Trần Thị Í, sinh năm 1953; nơi cư trú: xóm T, xã P, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị A, sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Người chứng kiến: Anh Nguyễn Văn L1, anh Trần Trọng Đ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thanh T và Trần Văn H1 quen biết nhau ngoài xã hội, H1 biết trước đây T thường sử dụng ma túy. Khoảng 7 giờ 00 phút ngày 04/9/2025 do muốn có ma túy để sử dụng, H1 đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35F5-1641 đi từ nhà đến quán sửa xe ô tô “T” của Trần Thanh T, địa chỉ tại xóm T, xã P, tỉnh Ninh Bình. Tại đây H1 gặp T và hỏi mua 500.000 đồng ma túy. Lúc này T nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho H1 để kiếm lời nên T đồng ý. Sau đó Hà móc từ túi quần bên phải ra đưa cho T 500.000 đồng, T cầm lấy tiền và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59H1-096.81 đi đến khu vực nghĩa trang T2, xã P, tỉnh Ninh Bình. Tại đây, T hỏi và mua được 01 gói ma túy, gói ngoài bằng giấy ni lông màu hồng của một người đàn ông không quen biết với giá 300.000 đồng. Sau đó, T cầm gói ma túy ở tay trái, rồi điều khiển xe mô tô đi về quán sửa xe để bán cho H1. Đến cửa quán, H1 nhìn thấy T đi về thì chạy ra, lúc này T đưa gói ma túy vừa mua được cho H1 và điều khiển xe mô tô sang cửa quán bán đồ uống ngay cạnh quán sửa xe của mình và dựng xe ở đó. Còn H1 cầm gói ma túy ở tay trái đi vào bên trong quán sửa xe. Lúc này Tổ công tác Công an xã P đang làm nhiệm vụ tại khu vực trên tiến hành kiểm tra do lo sợ nên H1 đã chuyển gói ma túy sang lòng bàn tay phải và búng xuống nền bê tông của quán sửa xe cách vị trí của H1 02 mét, ngay tại chỗ, Công an xã P tiến hành bắt quả tang.

Đối với Trần Văn H1: Thu giữ trên nền bê tông 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy ni lông màu hồng có kích thước (2,5x2)cm. Niêm phong trong phong bì ký hiệu “MT”; 01 xe mô tô nhãn hiệu JIALING, số loại C100, màu nâu, mang biển kiểm soát 35F5-1641, xe đã qua sử dụng.

Tiến hành mở niêm phong 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy ni lông màu hồng thu giữ của H1: bên trong có 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, chứa chất bột dạng cục màu trắng có khối lượng là 0,2974 gam ký hiệu “M” gửi trưng cầu giám định.

Kết luận giám định số 882/KL-KTHS ngày 11/09/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu M có khối lượng là 0,2974 gam là ma túy, loại Heroine.

Đối với Trần Thanh T: Thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE màu sơn đen – đỏ, mang biển kiểm soát 59H1-096.81, xe đã qua sử dụng; Số tiền 1.690.000 đồng, niêm phong trong phong bì ký hiệu “T”

Thu giữ 02 đoạn video của cammera trong quán sửa xe có nội dung liên quan đến vụ án được lưu trữ trong 01 đĩa CD-R, ký hiệu “V” được niêm phong trong phong bì gửi trưng cầu giám định.

Tại bản kết luận giám định số: 1015/KL-KTHS ngày 22/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 02 tệp tin video lưu trữ trong đĩa CD-R.

T1 khám xét tại nơi ở và nơi làm việc của Trần Thanh T và Trần Văn H1: Không thu giữ được đồ vật tài liệu gì.

Quá trình điều tra, Trần Thanh T và Trần Văn H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 63/CT-VKS – KV4 ngày 11/02/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo Trần Thanh T về về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025. Truy tố bị cáo Trần Văn H1 về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên toà Kiểm sát viên sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, tính chất nguy hiểm của vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T về về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, bị cáo Trần Văn H1 phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Trần Thanh T.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 04/09/2025.

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn H1.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 04/09/2025

-Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì niêm phong ghi số 882/KL-KTHS bên trong có số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng M = 0,2453 gam là ma túy loại Heroine cùng toàn bộ vỏ bao niêm phong; một vỏ phong bì ký hiệu T; một phong bì niêm phong bên trong có: 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 01 phong bì thư bị cắt một phần góc.

Đối với số tiền 1.690.000 đồng thu giữ của bị cáo T trong đó có 500.000 đồng bị cáo T bán ma túy cho bị cáo H1 liên quan đến việc phạm tội nay cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 1.190.000 đồng của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo để thi hành án.

-Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trần Thanh T và Trần Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng. Các bị cáo không đối đáp, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo** như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, phù hợp với người chứng kiến, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 08 giờ 20 phút ngày 04 tháng 09 năm 2025. Biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng lập hồi 07 giờ 50 phút ngày 04 tháng 09 năm 2025 và phù hợp kết luận giám định cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Hồi 07 giờ 45 phút ngày 04/09/2025, tại quán S1 “T” tại xóm T, xã P, tỉnh Ninh Bình. Trần Thanh T đã có hành vi bán trái phép 0,2974 gam ma túy, loại heroine cho Trần Văn H1 với giá 500.000 đồng và cũng tại thời điểm trên Trần Văn H1 đã có hành vi cất giữ trái phép 0,2974 gam ma túy, loại Heroine để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang.

Heroin là chất ma túy thuộc bảng danh mục IA, số thứ tự 9 ban hành kèm theo Nghị định số 57/2022/NĐ –CP ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chính Phủ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ.

Bị cáo Trần Thanh T bán ma túy cho bị cáo H1. Hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

“Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

.....

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Bị cáo Trần Văn H1 mua ma túy của bị cáo T để sử dụng cho bản thân khi đang cất giữ trong tay trái thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. Hành vi của bị cáo H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, M, A1, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

...”

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý, sản xuất kinh doanh một số loại hàng cấm. Mặt khác hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ ma túy là mặt hàng nhà nước cấm tàng trữ, sử dụng và mua bán nhưng vì nhu cầu sử dụng cho bản thân mà các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thanh T là Thương binh hạng 4/4, bị cáo là con của người có công với cách mạng, mẹ bị cáo có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình có hoàn cảnh khó khăn và bị cáo là lao động chính trong gia đình do vậy bị

cáo Trần Thanh T được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về nhân thân, vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là độc lập và cấu thành tội phạm khác nhau của Bộ luật Hình sự. Khi xem xét mức hình phạt cũng cần phân tích cụ thể tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Bị cáo Trần Văn H1 có nhân thân xấu, đã từng bị xử lý hình sự bằng hình phạt tù giam về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, khi trở về địa phương bị cáo đã không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm và tìm một công việc phù hợp tạo ra thu nhập phục vụ cho chính bản thân bị cáo mà tiếp tục nghiện ma túy và lại phạm tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người khó giáo dục nên cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo H1 như vậy mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Bị cáo T bản thân đã là người nghiện ma túy đã trực tiếp mua ma túy về sử dụng cho bản thân và bán lại ma túy cho bị cáo H1. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt do vậy cũng cần cân nhắc và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T là thể hiện sự công bằng, tình nhân đạo của pháp luật.

[6]. Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn buộc các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cai nghiện, học tập thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy để phục vụ cho nhu cầu của bản thân, nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với cả hai bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Trần Thanh T khai mua của người đàn ông khoảng 50 tuổi, không quen biết tại khu vực nghĩa trang thuộc xóm A K, xã P, tỉnh Ninh Bình. Bị cáo T không biết tên tuổi, địa chỉ người này và nếu gặp lại cũng không nhận dạng được. Do đó, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh, xử lý đối với người đàn ông này.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe 01 xe mô tô nhãn hiệu JIALING biển kiểm soát 35F5-1641, đã qua sử dụng cho bà Phạm Thị Anh .1 Do xác định bà Phạm Thị A, là chủ sở hữu hợp pháp của xe. Ngày 04/9/2025 H1 mượn xe đi mua ma túy bà Phạm Thị A không biết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, biển kiểm soát 59H1-096.81 cho bà Trần Thị Ích . Do xác định chiếc xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Í, Ngày 04/9/2025 T mượn xe đi mua ma túy bà Trần Thị Í không biết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe mô tô cho bà Phạm Thị A và bà Trần Thị Í đã đúng

về trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Những vật chứng còn lại của vụ án căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

Một phong bì niêm phong ghi số 882/KL-KTHS bên trong có số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng $M = 0,2453$ gam là ma túy loại Heroine cùng toàn bộ vỏ bao niêm phong; một vỏ phong bì ký hiệu T; một phong bì niêm phong bên trong có: 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 01 phong bì thư bị cắt một phần góc. **Những vật chứng trên cầm tàng trữ, sử dụng và phục vụ cho quá trình điều tra nay cần tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.**

Đối với số tiền 1.690.000 đồng thu giữ của bị cáo T trong đó có 500.000 đồng bị cáo T bán ma túy cho bị cáo H1 liên quan đến việc phạm tội nay cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Số tiền còn lại 1.190.000 đồng của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nay trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo để thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thanh T và Trần Văn H1 là người bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Trần Thanh T.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn H1

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội: “*Tội mua bán trái phép chất ma túy*”

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 04/09/2025

Tuyên bố bị cáo Trần Văn H1 phạm tội: “*Tội tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 04/09/2025

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy: Một phong bì niêm phong ghi số 882/KL-KTHS bên trong có số ma túy còn lại sau khi giám định có khối lượng $M = 0,2453$ gam là ma túy loại Heroine cùng toàn bộ vỏ bao niêm phong; một vỏ phong bì ký hiệu T; một phong bì niêm phong bên trong có: 01 mảnh nilon màu hồng, 01 mảnh giấy màu trắng, 01 phong bì thư bị cắt một phần góc.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo T

Trả lại cho bị cáo Trần Thanh T số tiền còn lại 1.190.000 đồng thu giữ của bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo để thi hành án.

(Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 03 năm 2026 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 27 tháng 03 năm 2026 giữa Công an tỉnh N với Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thanh T và Trần Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/03/2026). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Phòng PC02 Công an tỉnh: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh (PC10): 01 bản;
- Phòng HS&NV Công an tỉnh: 01 bản;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Người có QLNVLQ: 02 bản
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa và HCTP: 03 bản;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh